

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh
Ngày thi: 20/4/2024
Buổi thi: Chiều
Phòng chờ: A6.B.207
Phòng thi: A6.B.302

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2169010076	Lê Thu Hằng	25/07/2003					
2	2269010011	Hoàng Thị Hậu	26/03/2004					
3	2169020011	Nguyễn Thị Hiền	20/03/2001					
4	2169020012	Bùi Văn Hiệp	23/08/2003					
5	2169010080	Nguyễn Thị Hòa	19/02/2003					
6	2068010006	Lê Gia Hoàng	04/11/2002					
7	2064010165	Nguyễn Thị Hồng	31/07/2002					
8	2269010106	Nguyễn Thị Huế	02/04/2004					
9	2269010015	Lương Thị Huệ	26/09/2004					
10	2269010158	Lê Thị Huệ	28/08/2004					
11	2064020068	Nguyễn Đình Hùng	22/09/2002					
12	2164020018	Nguyễn Bá Hưng	12/01/1999					
13	2164020018	Nguyễn Bá Hưng	12/01/1999					
14	2269010016	Hà Thị Hương	26/12/2004					
15	2164060026	Vũ Thị Hường	15/01/2003					
16	2064010068	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/01/2002					
17	2069000128	Nguyễn Khánh Huyền	26/12/2002					
18	2069000183	Trương Thị Khánh Huyền	28/05/2002					
19	2169010085	Đỗ Thị Thanh Huyền	02/08/2002					
20	2169010086	Lê Thị Huyền	22/11/2002					
21	2169010150	Lê Thị Huyền	12/11/2003					
22	2269010160	Hoàng Thị Ngọc Huyền	24/09/2004					
23	2269010161	Quách Thị Huyền	10/06/2003					
24	2069080016	Bùi Hữu Khanh	04/07/2002					
25	2269010018	Lê Thị Lại	24/02/2004					
26	2061030065	Đỗ Xuân Lam	14/04/2002					
27	2064020072	Lê Thị Ngọc Lan	07/06/2002					
28	2164060029	Nguyễn Thị Ngọc Lan	30/03/2003					
29	2069010191	Đỗ Thị Lan	07/08/2002					
30	2269010019	Cao Thị Lan	07/08/2004					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....
Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1 CB COI THI 2 TỔ TRƯỞNG TỔ CHĂM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẠC DÙNG CHO VIỆT NAM
Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh
Ngày thi: 20/4/2024
Buổi thi: Chiều
Phòng chờ: A6.B.207
Phòng thi: A6.B.105

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2169000201	Phạm Thị Lê	16/10/2003					
2	2169000257	Trương Thị Quỳnh Lê	08/05/2003					
3	2162010013	Trịnh Thùy Linh	30/11/2001					
4	2066010024	Nguyễn Thị Thùy Linh	27/11/2002					
5	1969000077	Lê Thị Linh	18.10.2001					
6	2169010156	Hoàng Ngọc Linh	02/09/2003					
7	2169010158	Lê Thị Khánh Linh	20/06/2003					
8	2269010022	Nguyễn Thị Mai Linh	20/12/2004					
9	2269010163	Lương Bảo Linh	25/09/2004					
10	2269010164	Nguyễn Thị Khánh Linh	29/07/2004					
11	2269010165	Trịnh Gia Linh	12/06/2004					
12	2169010094	Phạm Thị Loan	18/05/2003					
13	2064010172	Đỗ Thị Diệu Ly	30/07/2001					
14	2162010017	Nguyễn Thị Phương Mai	21/11/2003					
15	2164010027	Hàn Thị Mai	15/02/2003					
16	2269010116	Lê Thị Mai	28/06/2004					
17	2062030004	Lê Xuân Mạnh	08/09/2001					
18	2069000193	Đinh Thiên Minh	29/03/2001					
19	2061030070	Nguyễn Ngọc Thế Mong	29/04/2002					
20	2069010049	Trịnh Thị Mùi	12/10/2001					
21	2269010024	Nguyễn Thị Mùi	10/11/2003					
22	2064010075	Nguyễn Thị Trà My	21/04/2002					
23	2166010019	Lưu Việt Nga	22/03/1997					
24	2269010167	Hồ Thị Thúy Nga	23/10/2004					
25	2066020008	Lê Thị Thúy Ngân	16/08/2002					
26	2269010027	Trương Thị Thúy Ngân	25/06/2004					
27	2269010168	Phạm Thị Ngân	16/07/2004					
28	2269010028	Nguyễn Thị Ngọc	20/01/2004					
29	2269010029	Lê Thị Ánh Nguyệt	13/02/2004					
30	2161020023	Nguyễn Yến Nhi	16/03/2003					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....
Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1 CB COI THI 2 TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024



Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh
Ngày thi: 20/4/2024
Buổi thi: Chiều
Phòng chờ: A6.B.207
Phòng thi: A6.B.106

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2063070012	Nguyễn Thị An	02/7/1991					
2	2064010001	Lê Thị An	04/03/2002					
3	2061030045	Vũ Ngọc Anh	22/11/2002					
4	2269010002	Lương Thị Lan Anh	23/04/2004					
5	2269010003	Trần Văn Anh	17/09/2004					
6	2269010144	Lê Thị Quỳnh Anh	20/01/2004					
7	2061030049	Lê Thị Ánh	15/08/2002					
8	2269010147	Bùi Thị Ngọc Ánh	01/04/2004					
9	2069000167	Phan Đăng Quỳnh Chi	05/09/2002					
10	2069010195	Lê Thị Linh Chi	29/06/2002					
11	2061030050	Phan Văn Chiến	23/05/2001					
12	2063070008	Nguyễn Văn Cường	02/6/1990					
13	2063070001	Nguyễn Như Đạt	16/10/1996					
14	2064010158	Trần Tiến Đạt	22/12/2002					
15	1866030002	Đỗ Anh Đạt	23/7/2000					
16	2064010059	Nguyễn Thị Thúy Diễm	01/01/2002					
17	2064020057	Lê Thanh Diệp	20/01/2002					
18	2269010006	Lê Thị Diệu	30/06/2004					
19	2064020008	Lê Phú Dự	16/05/2002					
20	2169020006	Trần Anh Đức	23/06/2003					
21	2164010009	Nguyễn Thị Dung	12/05/2003					
22	2269010007	Phạm Thị Dung	03/08/2004					
23	1861070019	Hoàng Xuân Dũng	7/1/1994					
24	2162010006	Trịnh Thái Dương	05/10/2003					
25	2069010022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/12/2001					
26	2269010152	Vũ Thị Hương Giang	27/11/2004					
27	2064010162	Phạm Thị Thu Hà	18/04/2002					
28	2164060018	Nguyễn Thị Hà	23/12/2003					
29	2269010008	Bùi Thị Hà	10/09/2004					
30	2063070003	Phạm Khắc Hoàn	06/12/1988					
31	2061030097	Bùi Khắc Hai	15/11/2002					
32	2269010154	Trương Ngọc Hân	20/07/2004					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....
Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1 CB COI THI 2 TỔ TRƯỞNG TỔ CHĂM Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Phòng chò: A6.B.207

Ngày thi: 20/4/2024

Buổi thi: Sáng

Phòng thì: A6.B.302

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	186C680012	Nguyễn Thị Hằng	18.07.2000					CD
2	206C680027	Phạm Thị Hoài Phương	01/08/2001					CD
3	216C680003	Lê Thị Ngọc Ánh	06/11/2003					CD
4	216C680005	Lê Thị Duyên	02/09/2003					CD
5	216C680008	Bùi Thu Hà	04/11/2003					CD
6	216C680011	Trịnh Thị Hoài	08/08/2002					CD
7	216C680012	Lê Thị Hoài	01/01/2003					CD
8	216C680016	Đồng Thị Linh	15/05/2003					CD
9	216C680017	Lê Thị Thùy Linh	12/04/2003					CD
10	216C680028	Nguyễn Thị Thoa	15/02/2003					CD
11	216C680030	Nguyễn Diệu Thùy	01/03/2003					CD
12	216C680032	Mai Thị Thủy	28/02/2000					CD
13	216C680035	Đồng Thị Tuyền	21/11/2003					CD
14	216C680037	Lê Thị Tú Linh	24/03/2002					CD
15	206C680013	Vũ Thị Hương	15/08/2002					CD
16	186C700009	Hoàng Thị Hiền	8/28/2000					CD
17	2164010095	Lê Yến Nhi	08/08/2003					ĐH
18	2164010095	Lê Yến Nhi	08/08/2003					ĐH
19	2269010175	Quách Thanh Hồng Phúc	17/01/2004					ĐH
20	2069000254	Phạm Thị Phương	17/11/2002					ĐH
21	2169010170	Trần Thị Phương	11/01/2003					ĐH
22	2269010033	Cao Thị Hoài Phương	21/06/2004					ĐH
23	2269010128	Nguyễn Thị Thu Phương	17/12/2004					ĐH
24	2269010177	Trịnh Thị Lan Phương	29/10/2004					ĐH
25	2064020032	Mai Thị Phương	20/07/2002					ĐH
26	2064010034	Lê Đình Quân	13/04/2001					ĐH
27	2269010035	Lang Thị Quân	08/08/2004					ĐH
28	2169000157	Nguyễn Đức Quang	10/01/2002					ĐH
29	2164010039	Lại Thị Quỳnh	19/02/2003					ĐH
30	2064010040	Lê Thị Huyền Thu	08/05/2002					ĐH

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHĂM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024



Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Phòng chờ: A6.B.207

Ngày thi: 20/4/2024

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: A6.B.105

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2067010045	Nguyễn Thị Lan	Anh	24/06/2002					
2	2067010051	Lê Thị Mai	Dung	04/01/2002					
3	2067010138	Nguyễn Thị Ánh	Dương	26/07/2002					
4	2067010014	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/03/2002					
5	2067010055	Văn Thị Phương	Hằng	31/10/2002					
6	2067010141	Bùi Thị	Hằng	14/05/2002					
7	2067020043	Trần Thị	Hiền	25/08/2002					
8	2067020045	Dư Thị	Hiền	22/12/2002					
9	2067010058	Lê Thị Thu	Hoài	02/03/2002					
10	2067010098	Hoàng Thanh	Huế	28/01/2002					
11	2067010144	Phạm Thị	Huệ	18/01/2002					
12	2067010147	Phạm Khánh	Huyền	07/06/2002					
13	1967010017	Trần Mạnh	Hùng	5/31/2001					
14	2067010153	Phạm Thị	Lụa	16/09/2002					
15	2067010155	Nguyễn Thị Trà	My	10/01/2002					
16	1967020025	Bùi Thị	Ngọc	4/21/2000					
17	2067010163	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/08/2002					
18	1967020039	Phạm Thị	Thương	2/28/2001					
19	2067010040	Nguyễn Hà	Trang	20/08/2002					
20	1967020042	Lê Thị Đài	Trang	6/6/2001					
21	2269010036	Cầm Thị	Tâm	10/05/2004					
22	2068010013	Bùi Đức	Tân	30/10/2002					
23	2061030078	Hoàng Đức	Thắng	26/10/2002					
24	2161020028	Nguyễn Hoài	Thanh	06/12/2003					
25	2161020031	Vũ Diệu	Thảo	04/06/2003					
26	2069010141	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19/04/2002					
27	2269010180	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/12/2004					
28	2269010181	Trịnh Thị Thu	Thảo	06/06/2004					
29	2269010195	Lương Phương	Thảo	12/02/2004					
30	2069000207	Hồ Thị	Thiện	21/10/2001					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024



Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM
Đợt thi ngày 20 tháng 4 năm 2024

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh
Ngày thi: 20/4/2024
Buổi thi: Sáng
Phòng chờ: A6.B.207
Phòng thi: A6.B.106

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2269010038	Hà Thị Thom	21/12/2004					
2	2063070013	Nguyễn Thị Thịnh	07/1/1984					
3	2063070009	Lê Thị Thu	06/03/1987					
4	2064010140	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	15/06/2002					
5	2269010040	Nguyễn Anh Thư	28/07/2004					
6	1964020098	Nguyễn Quang Thuận	3/6/2000					
7	2269010041	Quách Thị Thanh Thuận	26/06/2004					
8	2064010041	Lê Thị Thúy	05/01/2002					
9	2169010179	Bùi Thị Minh Thúy	24/11/2003					
10	2063070010	Nguyễn Thị Thủy	30/10/1989					
11	2161020033	Nguyễn Thị Trang	18/06/2003					
12	2064010042	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/12/2002					
13	2064010095	Hoàng Thị Quỳnh Trang	08/05/2002					
14	1964020081	Văn Sơn Trang	10/18/2001					
15	2069000100	Hà Thị Trang	14/11/2002					
16	2069000320	Phạm Thị Huyền Trang	24/11/2002					
17	2169010184	Phạm Thị Huyền Trang	08/07/2003					
18	2269010046	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/12/2004					
19	2269010140	Nguyễn Đài Trang	16/03/2003					
20	2269010190	Trịnh Thùy Trang	24/04/2004					
21	2064010196	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	02/02/2002					
22	2169020039	Nguyễn Văn Thế Trung	5/2/2003					
23	2161020036	Nguyễn Minh Tuấn	28/03/2003					
24	2064020045	Hà Ngọc Tuấn	05/09/2002					
25	2269010143	Lê Thị Kim Tuyết	12/01/2004					
26	2069000217	Nguyễn Khánh Vân	10/02/2002					
27	2169010187	Trương Thảo Vân	05/10/2003					
28	2269010192	Lường Thảo Vân	17/01/2004					
29	2269010204	Quách Thị Vân	06/06/2004					
30	2063070011	Hà Văn Viện	12/08/1982					
31	2064020098	Nguyễn Tuấn Vũ	10/11/2001					
32	2269010194	Hà Thị Thanh Vui	26/11/2004					
33	2169010127	Lương Thị Xuân	06/08/2002					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....
Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1 CB COI THI 2 TỔ TRƯỞNG TỔ CHĂM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KT HIỆN TRƯỞNG
PHÓ HIỆN TRƯỞNG
HỒNG ĐỨC

Đậu Bá Thìn